

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010**



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 25

100
CÔ
ÁCH N
DEL
VIỆT
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 8 Trần Thị, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Trương	Chủ tịch
Ông Hoàng Đức Long	Phó Chủ tịch
Ông Lê Anh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bình Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010)
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010)
Ông Trần Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

2500 - C
G TY
HỮU H
TTE
NAM
TP. H

Số: 529 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 25. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến vấn đề sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang kết hợp với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để kiểm tra, xử lý các vấn đề tài chính giữa hai thời điểm (xác định giá trị doanh nghiệp và chính thức chuyển sang công ty cổ phần). Các bút toán điều chỉnh (nếu có) liên quan đến vấn đề này sẽ được Công ty ghi nhận vào Báo cáo tài chính kỳ sau.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		747.059.616.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	159.394.463.874
1. Tiền	111		16.994.463.874
2. Các khoản tương đương tiền	112		142.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		392.446.420.242
1. Phải thu khách hàng	131		374.918.924.309
2. Trả trước cho người bán	132		23.571.753.914
3. Các khoản phải thu khác	135		2.460.876.855
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.505.134.836)
III. Hàng tồn kho	140	6	145.299.135.767
1. Hàng tồn kho	141		147.858.521.870
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.559.386.103)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.919.596.745
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		350.881.709
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	7	19.384.155.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		235.943.251
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	29.948.616.420
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		408.591.390.207
I Các khoản phải thu dài hạn	210		3.876.549.224
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.876.549.224
II. Tài sản cố định	220		14.019.311.141
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	11.499.481.021
- Nguyên giá	222		20.999.904.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.500.423.311)
2. Tài sản cố định vô hình	227		79.292.294
- Nguyên giá	228		183.228.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.936.573)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.440.537.826
III. Bất động sản đầu tư	240		985.983.777
- Nguyên giá	241		2.252.880.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.266.896.223)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		337.866.400.782
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	251.724.582.696
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	88.157.818.086
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.016.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		51.843.145.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	51.623.521.616
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		42.798.627
3. Tài sản dài hạn khác	268		176.825.040
C LỢI THÈ THƯƠNG MẠI	269		137.190.121
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200+269)	270		1.155.788.196.956

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		697.397.031.684
I Nợ ngắn hạn	310		697.037.913.364
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	338.488.680.222
2. Phải trả người bán	312		157.498.339.048
3. Người mua trả tiền trước	313		32.715.620.548
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	34.029.471.209
5. Phải trả người lao động	315		5.733.186.067
6. Chi phí phải trả	316	16	6.008.948.650
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	122.327.486.414
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		236.181.206
II Nợ dài hạn	330		359.118.320
1. Phải trả dài hạn khác	333		129.740.448
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		150.755.313
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		78.622.559
B NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		454.955.381.886
I Vốn chủ sở hữu	410	18	454.955.381.886
1. Vốn điều lệ	411		386.386.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		68.569.381.886
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.435.783.386
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)	440		1.155.788.196.956



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/12/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	987.637.874.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	(1.638.257.800)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		985.999.616.881
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	940.374.708.861
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		45.624.908.020
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	29.922.191.707
7. Chi phí tài chính	22	23	19.544.709.119
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.052.728.770
8. Chi phí bán hàng	24		11.293.862.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.595.901.075
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		8.112.626.713
11. Thu nhập khác	31		328.053.342
12. Chi phí khác	32		133.299.715
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		194.753.627
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		64.721.893.013
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		73.029.273.353
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	1.582.264.393
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	150.755.313
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		71.296.253.647
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(380.889.882)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		71.677.143.529
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.855



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/12/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	73.029.273.353
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.760.220.588
- Các khoản dự phòng	03	13.113.042.177
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(8.440.552.221)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(9.228.145.059)
- Chi phí lãi vay	06	13.052.728.770
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	83.286.567.608
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(169.410.870.711)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(98.095.121.232)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	166.865.232.010
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(11.533.764.065)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.010.717.037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.044.639.685)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.798.247.423
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(41.629.473.465)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(79.774.539.154)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(758.871.903)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.023.848.800)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.673.475.496
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.109.245.207)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (i)	31	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	528.135.054.244
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(272.856.806.009)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	255.278.248.235
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	159.394.463.874
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60)	70	159.394.463.874

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

(i) Vốn góp vào Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tăng với số tiền là 386.386.000.000 VND thông qua việc kế thừa số liệu của doanh nghiệp cổ phần hóa. Vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh giảm trên phần Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí kế thừa số liệu từ doanh nghiệp cổ phần hóa dẫn đến tổng tài sản và nợ phải trả tăng lên với số tiền lần lượt là 630.315.916.936 VND và 243.929.916.936 VND. Do vậy, các ảnh hưởng từ số liệu kế thừa trên sẽ không được phản ánh tương ứng với biến động tăng trong kỳ của các phần Tăng các khoản phải thu, tăng hàng tồn kho, tăng chi phí trả trước và tăng các khoản phải trả.



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ Tùng theo Quyết định số 517/QĐ -DKVN ngày 14 tháng 3 năm 2008 và số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101394512 ngày 01 tháng 3 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 ngày 15 tháng 9 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 386.386.000.000 VND, cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Phụ tùng có 3 công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Máy và Thiết bị Dầu khí Sài Gòn.

Tổ chức của Công ty gồm:

- Văn phòng Công ty tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí tại số 42-62 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí tại số 23 đường Hùng Vương, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí tại Lầu 3, siêu thị Mỹ Nghệ số 2 Trung Trắc, phường 1, thành phố Vũng Tàu;
- Trung tâm Đầu tư và Thương mại tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Trung tâm Hợp tác Lao động Quốc tế tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trung tâm đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ tháng ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2011. Trung tâm đã gửi thông báo tạm ngừng hoạt động tới Cục thuế thành phố Hà Nội vào ngày 29 tháng 3 năm 2010;
- Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Ống thép Machino tại khu phố 2, phường Hiệp thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Xí nghiệp chính thức giải thể theo Quyết định số 0435/QĐ/HĐQT-PVM ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Công ty.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 162 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn; sản xuất dây cáp điện và điện tử khác; sản xuất thiết bị chiếu sáng; sản xuất đồ điện dân dụng; lắp đặt hệ thống điện; bán buôn, kinh doanh; sửa chữa và dịch vụ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất Trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010
Nhà cửa, vật kiến trúc	Số năm 05 - 20
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 08
Khác	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua phần mềm vi tính và phần mềm quản lý văn phòng trực tuyến, được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh, tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh bao gồm giá trị lợi thế địa lý tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và số 23 đường Hùng Vương, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và giá trị thương hiệu của Công ty được ghi nhận dựa trên Biên bản xác định giá trị Công ty Máy và Phụ tùng tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2008 theo phương pháp tài sản do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt thực hiện và Quyết định số 674/QĐ-DKVN ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty Máy và Phụ tùng để cổ phần hóa. Công ty chưa phân bổ phần lợi thế kinh doanh trong kỳ vì Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc chưa phân bổ này là phù hợp và đảm bảo tính thận trọng của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trong kỳ, tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận do Công ty không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010
	VND
Tiền mặt	1.527.030.617
Tiền gửi ngân hàng	15.467.433.257
Các khoản tương đương tiền (i)	142.400.000.000
	159.394.463.874

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010
	VND
Nguyên liệu, vật liệu	616.676.267
Công cụ dụng cụ	1.200.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.120.171.604
Hàng hóa	133.200.717.808
Hàng gửi bán	2.919.756.191
Cộng	147.858.521.870
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.559.386.103)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	145.299.135.767

7. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 chủ yếu bao gồm các khoản thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu còn được khấu trừ do chưa thanh toán tiền thuế.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010
	VND
Ký quỹ, ký cược, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	21.035.566.951
Đặt cọc mua cổ phần	5.022.576.000
Tạm ứng	3.890.473.469
	29.948.616.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/03/2010	-	-	-	-	-
Nhận tài sản từ quá trình cổ phần hóa	7.821.434.575	6.566.984.557	2.525.849.577	16.747.400	16.931.016.109
Chuyển từ Công ty con sang	17.251.818	3.295.299.831	67.552.542	-	3.380.104.191
Mua trong năm	-	222.900.000	470.971.903	-	693.871.903
Tặng khác	-	-	10.178.629	-	10.178.629
Giảm khác	-	-	15.266.500	-	15.266.500
Tại ngày 31/12/2010	7.838.686.393	10.085.184.388	3.059.286.151	16.747.400	20.999.904.332
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/03/2010	-	-	-	-	-
Chuyển sang Công ty Cổ phần	1.484.899.145	1.832.232.927	1.348.641.060	16.747.400	4.682.520.532
Chuyển từ Công ty con sang	17.251.818	3.120.817.576	47.222.830	-	3.185.292.224
Khấu hao trong năm	271.441.588	848.095.613	518.296.828	-	1.637.834.029
Tặng khác	-	-	7.461.104	-	7.461.104
Giảm khác	-	-	12.684.578	-	12.684.578
Tại ngày 31/12/2010	1.773.592.551	5.801.146.116	1.908.937.244	16.747.400	9.500.423.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	6.065.093.842	4.284.038.272	1.150.348.907	-	11.499.481.021
Tại ngày 01/03/2010	-	-	-	-	-

Phần nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải bao gồm một số tài sản tạm tăng trong năm 2009 (của Công ty Máy và Phụ tùng trước khi cổ phần hóa) và chưa được quyết toán thuộc công trình Trung tâm Thương mại Móng Cái với tổng số tiền là 9.251.427.238 VND.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.575.587.080 VND.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Số 07 Đinh Tiên Hoàng, phường Hàng Bạc, Hà Nội	51,6%	51,6%	Sản xuất, mua bán phụ tùng ô tô, xe máy, kinh doanh vận tải hàng hóa và các dịch vụ thương mại khác
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	Số 8 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Kinh doanh xuất nhập khẩu, đại lý và tổ chức kinh doanh, sản xuất, gia công lắp đặt dây chuyền, thiết bị
Công ty TNHH Một Thành viên Máy Thiết Bị Dầu khí Sài Gòn	351/31 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh	100%	100%	Kinh doanh thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống trong nhà và hệ thống xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Tại ngày 01 tháng 03	-
Chuyển sang Công ty cổ phần (i)	211.090.368.250
Đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ	23.173.448.800
Phân bổ lợi thế thương mại (ii)	(336.667.086)
Phần lợi nhuận của Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	65.058.560.099
Cổ tức nhận được (iii)	(45.896.682.417)
Khác	(1.364.444.950)
Tại ngày 31 tháng 12	251.724.582.696

(i) Theo quy định tại Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần”, Công ty đã tạm xác định lại giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy - Ô tô Machino tại thời điểm ngày 28 tháng 02 năm 2010. Giá trị khoản đầu tư này được tạm xác định tăng thêm với số tiền 45.329.682.417 VND so với giá trị được xác định tại thời điểm định giá doanh nghiệp ngày 30 tháng 9 năm 2008. Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh có thể sẽ được tiếp tục điều chỉnh khi có quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về xử lý các vấn đề tài chính giữa thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

(ii) Thể hiện phần lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình mua Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí, là chênh lệch giữa giá mua với tài sản thuần của Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị phần lợi thế thương mại còn lại chưa phân bổ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh là 6.396.674.635 VND.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết/liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí	Hồ Chí Minh	31,5%	31,5%	Sản xuất mua bán sơn, nguyên liệu, trang thiết bị phục vụ ngành công nghiệp tàu thủy
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy - Ô tô Machino	Xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội	30%	29%	Sản xuất phụ tùng xe máy và ô tô

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2010 VND
Tổng tài sản	1.191.683.332.321
Tổng công nợ	376.446.010.009
Tài sản thuần	815.237.322.312
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	245.327.902.478
	31/12/2010 VND
Doanh thu	1.993.257.849.579
Lợi nhuận thuần	220.148.008.049
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	65.844.592.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2010
	VND
Đầu tư góp vốn và mua cổ phần	83.396.043.907
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	2.799.043.907
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000
Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki	11.781.000.000
Công ty TNHH FCC Việt Nam	16.800.000.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An	50.000.000.000
Hợp tác kinh doanh	4.761.774.179
- Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (Nhà số 1,3,5 Đinh Tiên Hoàng)	2.482.903.750
- Công ty Siêu thị Hà Nội (Nhà số 7 Đinh Tiên Hoàng)	2.278.870.429
	88.157.818.086

Trong đó, chi tiết số lượng cổ phần và tỷ lệ vốn góp nắm giữ tại các khoản đầu tư dài hạn của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	31/12/2010	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu
Đầu tư góp vốn và mua cổ phần		
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	220.102	2%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	201.600	3,25%
Công ty TNHH Việt Nam Nippon Seiki (i)	-	10%
Công ty TNHH FCC Việt Nam (i)	-	10%
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An	5.000.000	10%

(i) Thể hiện các khoản góp vốn liên doanh theo tỷ lệ của hợp đồng liên doanh.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND
Tại ngày 01 tháng 3	-
Chuyển sang công ty cổ phần	41.042.251.908
Chuyển sang từ công ty con	304.037.178
Tăng trong kỳ	11.033.282.356
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	756.049.826
Tại ngày 31 tháng 12	51.623.521.616

Chi phí trả trước được thể hiện theo khoản mục tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	31/12/2010
	VND
Lợi thế địa lý và thương hiệu (i)	40.973.713.183
Tiền thuê văn phòng	10.079.866.500
Khác	569.941.933
	51.623.521.616

(i) Thể hiện phần lợi thế kinh doanh bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và số 23 đường Hùng Vương, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và giá trị thương hiệu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010
	VND
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	2.584.616.096
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Thành (ii)	187.510.885.876
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (iii)	27.044.302.932
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iv)	650.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (v)	119.113.875.318
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (vi)	770.000.000
Vay cá nhân (vii)	815.000.000
	338.488.680.222

- (i) Thể hiện khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 24/2009/HĐTDHM-TC DK.CNVT.TD ngày 21 tháng 9 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Thời gian giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2009. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Nợ gốc được trả theo đúng quy định theo từng kế ước nhận nợ, lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Thể hiện khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng số 1303-LAV-201000327/HĐTD ngày 20 tháng 10 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng cho các khoản vay bao gồm đồng Việt Nam (VND) và ngoại tệ (USD). Thời gian giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2010. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Nợ gốc được trả theo đúng quy định theo từng kế ước nhận nợ, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 01-2010/HĐTDHM-PVMACHINO ngày 20 tháng 9 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng cho các khoản vay bao gồm đồng Việt Nam (VND) và ngoại tệ (USD). Thời gian giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2010. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Nợ gốc được trả theo đúng quy định theo từng kế ước nhận nợ, lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội được thế chấp bằng chính giá trị của lô hàng nhập khẩu.
- (iv) Thể hiện khoản các khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 357.10.057.597402.TD ngày 29 tháng 10 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời gian giải ngân trong vòng 375 ngày kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2010. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Nợ gốc được trả theo đúng quy định theo từng kế ước nhận nợ, lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (v) Thể hiện khoản các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2010/NHTMCPNT ngày 17 tháng 9 năm 2010, số 02/2010/NHTMCPNT ngày 19 tháng 10 năm 2010 và số 03/2010/NHTMCPNT ngày 20 tháng 12 năm 2010. Thời gian giải ngân các khoản vay trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Nợ gốc được trả theo đúng quy định theo từng kế ước nhận nợ, lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo; và
- Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội của Công ty TNHH MTV Thiết bị Dầu khí Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HM/NHNT.HN ngày 05 tháng 7 năm 2010. Thời gian giải ngân các khoản vay trong vòng 6 tháng. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Nợ gốc được trả theo đúng quy định theo từng kế ước nhận nợ, lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty Cổ phần Máy -Thiết bị Dầu khí với giá trị được xác định là 60 tỷ đồng.
- (vi) Thể hiện khoản vay Ngân hàng TMCP Nhà Hà nội theo Hợp đồng tín dụng số 10/ĐP-PVMN/2010 ngày 10 tháng 10 năm 2010 với lãi suất vay 1,5%/tháng, trong vòng 3 tháng kể từ ngày vay.
- (vii) Các khoản vay cá nhân với thời hạn 3 tháng, lãi suất 1,2%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010
	VND
Thuế giá trị gia tăng	26.555.525.190
Thuế xuất, nhập khẩu	2.276.920.572
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.138.981.149
Thuế thu nhập cá nhân	60.039.624
Các khoản phí, lệ phí và khác	3.998.004.674
	34.029.471.209

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010
	VND
Lãi vay ngân hàng	1.041.755.605
Khác	4.967.193.045
	6.008.948.650

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010
	VND
Kinh phí công đoàn	279.582.084
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp	70.444.842
Khác	6.654.786.203
Phải trả về cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng (i)	109.481.109.595
Phải trả về cổ phần hóa công ty con (ii)	5.841.563.690
	122.327.486.414

(i) Thể hiện khoản phải trả về cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 3 năm 2008 và số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 7 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, và khoản phải trả liên quan đến việc đánh giá lại khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy - Ô tô Machino (trình bày tại Thuyết minh số 11). Công ty đang trong quá trình làm việc với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để quyết toán khoản phải trả này.

(ii) Thể hiện các khoản phải trả về cổ phần hóa hai công ty con với tên gọi cũ là Trung tâm Thương mại Hồ Gươm và Xí nghiệp Sản xuất và Dịch vụ Kinh doanh.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/03/2010	-	-	-
Vốn tăng do doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao sang Công ty cổ phần	386.386.000.000	-	386.386.000.000
Lợi nhuận (lỗ) từ các công ty con chuyển sang	-	(1.633.263.082)	(1.633.263.082)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	71.677.143.529	71.677.143.529
Lợi nhuận chưa thực hiện chuyển sang	-	(110.053.611)	(110.053.611)
Giảm khác tại công ty liên kết	-	(1.364.444.950)	(1.364.444.950)
Số dư tại ngày 31/12/2010	386.386.000.000	68.569.381.886	454.955.381.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 số 0101394512 ngày 15 tháng 9 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 386.386.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn điều lệ		Vốn đã góp
	VND	Tỷ lệ (%)	31/12/2010 VND
Các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ	213.300.200.000	55,2%	213.300.200.000
Trong đó:			
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>	139.098.960.000	36%	139.098.960.000
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á- Thái Bình Dương</i>	32.710.000.000	8,47%	32.710.000.000
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam</i>	22.171.940.000	5,74%	22.171.940.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV</i>	19.319.300.000	5,00%	19.319.300.000
Các cổ đông nắm giữ từ 1% đến 5% vốn điều lệ	92.240.170.000	23,87%	92.240.170.000
Các cổ đông nắm giữ dưới 1% vốn điều lệ	80.845.630.000	20,92%	80.845.630.000
	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

Số cổ phiếu đang lưu hành

	31/12/2010 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	38.638.600
Cổ phiếu đã phát hành	38.638.600
Cổ phiếu phổ thông	38.638.600
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-
Cổ phiếu quỹ	-
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600
Cổ phiếu phổ thông	38.638.600
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

19. DOANH THU

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
- Doanh thu bán hàng	943.218.640.375
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.881.969.150
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	38.537.265.156
	987.637.874.681
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.638.257.800
	985.999.616.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	901.917.048.166
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	465.121.566
Giá vốn của hoạt động xây dựng	36.087.051.705
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.905.487.424
	<u><u>940.374.708.861</u></u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Chi phí nhân công	18.377.306.902
Chi phí khấu hao	1.682.890.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.324.431.454
Khác	8.505.134.836
	<u><u>47.889.763.896</u></u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.335.985.496
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.885.710.003
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.440.552.299
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	561.902.653
Lãi bán hàng trả chậm	11.534.406.759
Doanh thu hoạt động tài chính khác	163.634.497
	<u><u>29.922.191.707</u></u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Chi phí lãi vay	13.052.728.770
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.361.891.318
Chi phí tài chính khác	2.040.857.130
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.089.231.901
	<u><u>19.544.709.119</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

**Từ ngày 01/3/2010
đến ngày 31/12/2010
VND**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	73.029.273.353
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(66.700.215.782)
Trừ:	(69.151.252.130)
Cổ tức nhận và lãi từ công ty liên kết	<i>(66.137.106.071)</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tại Công ty con	<i>(1.073.231.901)</i>
Chuyển lỗ kỳ trước của Công ty con	<i>(1.268.024.974)</i>
Lỗ chưa thực hiện	<i>(603.021.250)</i>
Khác	<i>(69.867.934)</i>
Cộng:	2.451.036.348
Lỗ của Công ty con	<i>2.029.824.426</i>
Các chi phí không hợp lý, hợp lệ	<i>406.076.714</i>
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<i>15.135.208</i>
Thu nhập chịu thuế	6.329.057.571
Thuế suất thông thường	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.582.264.393
Thuế thu nhập hoãn lại	150.755.313
	1.733.019.706

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

**Từ ngày 01/03/2010
đến ngày 31/12/2010
VND**

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.677.143.529
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	38.638.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.855

26. XỬ LÝ TÀI CHÍNH TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

Theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần, căn cứ vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, doanh nghiệp có trách nhiệm điều chỉnh số liệu kế toán và lập báo cáo tài chính cho giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Theo quy định này, Công ty đã lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2008 đến ngày 28 tháng 02 năm 2010. Số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 10 năm 2008 đã được điều chỉnh theo đúng giá trị doanh nghiệp được xác định tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2008 để cổ phần hóa, phù hợp với Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 674/QĐ-DKVN ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo quyết định này, giá trị của Công ty Máy và Phụ tùng tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2008 để cổ phần hóa là 556.894.342.491 VND, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 386.385.915.764 VND.

Tại ngày 01 tháng 3 năm 2010 (ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần), Công ty đã tạm xác định lại giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ô tô Machino tại thời điểm ngày 28 tháng 2 năm 2010 và điều chỉnh tăng giá trị khoản đầu tư 45.329.682.417 VND so với giá trị được xác định tại thời điểm định giá doanh nghiệp ngày 30 tháng 9 năm 2008.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty vẫn đang kết hợp với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để kiểm tra, xử lý các vấn đề tài chính giữa hai thời điểm (xác định giá trị doanh nghiệp và chính thức chuyển sang công ty cổ phần). Các bút toán điều chỉnh (nếu có) liên quan đến vấn đề này sẽ được ghi nhận vào kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

**Từ ngày 01/3/2010 đến
ngày 31/12/2010**

VND

Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ 2.152.851.478

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

**Từ ngày 01/3/2010 đến
ngày 31/12/2010**

VND

Trong vòng một năm 3.193.170.095
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm 8.094.301.451
Sau năm năm 4.754.137.291

16.041.608.837

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 1.827,7 m² đất và 1.402,79 m² nhà tại số 8 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà đất số 235/XN3/HĐTN26/XD ngày 10 tháng 9 năm 2009 với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội trong thời gian 5 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 01 tháng 01 năm 2014.
- Tổng số tiền thuê 3.302 m² tại đường Hùng Vương, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo Hợp đồng thuê đất số 133/HĐTĐ ngày 01 tháng 12 năm 2003 với Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh trong thời gian 20 năm kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2003.
- Tổng số tiền thuê 494,97 m² diện tích sàn sử dụng tại Tầng 13 - Tòa nhà CEO tại lô đất HH2-1, đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 235/XN3/HĐTN26/XD ngày 10 tháng 9 năm 2009 với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) trong thời gian 116 tháng kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2010.
- Tổng số tiền thuê 249 m² văn phòng tại 351/31 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê văn phòng với thời hạn 31 tháng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012; và tiền thuê kho để lưu giữ hàng hóa tại ô 8 - 9 Lô A7 khu dân cư An Phú, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời hạn 31 tháng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 0091/NQ/HĐQT-PVM ngày 17 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án thoái 36% vốn (tương đương 198.000 cổ phần) tại Công ty Cổ phần Thiết bị Dầu khí Miền Nam để chuyển đổi tỷ lệ sở hữu xuống còn lại là 15%. Đến ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty đã thoái thành công khoản đầu tư.

Theo Nghị quyết số 0062/NQ/HĐQT-PVM ngày 11 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định mua 47,12% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Phụ tùng Đà Nẵng, tương đương 1.931.760 cổ phần, giá mua 26.000/cổ phần. Đến ngày 24 tháng 01 năm 2011, Công ty đã thực hiện xong thủ tục mua.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010 <u>VND</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	10.354.772.000
Cổ tức Công ty liên kết/liên doanh	
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy - Ô tô Machino	45.329.682.417
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí	567.000.000
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:	
	<u>31/12/2010</u> <u>VND</u>
Các khoản phải trả	
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.204.249.200
Cổ tức phải thu	
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí	567.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:	
	Từ ngày 01/3/2010 đến ngày 31/12/2010 <u>VND</u>
Lương, tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác	809.671.006

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty, do vậy báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 không có số liệu so sánh.



Lê Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2011

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng